

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21-7-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Đồng Thị Phương Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số/QĐ-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị V, sinh năm 1994; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã T, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: S, phố S, thành phố P, tỉnh Chonburi, Thái Lan; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện V (nay là xã V), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2025 và bản tự khai, nguyên đơn chị Vi Thị V trình bày:

Chị Vi Thị V và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V (nay là UBND xã V), thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận đến năm 2022 thì phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ tháng 9 năm 2022 đến nay, chị V sang Thái Lan sinh sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm đến nhau. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị V yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Chị V và anh H có 01 con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/10/2016. Hiện nay, cháu K đang sống cùng anh H. Chị V đề nghị giao cháu K cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K với số tiền 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh Phạm Văn H:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho anh H và nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của chị V. Tuy nhiên, anh H đều vắng mặt và cũng không có quan điểm bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể: Vắng mặt tại tất cả các lần Tòa án triệu tập, không lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Công văn số 3304/PA08(Đ1) ngày 04/6/2025 về việc trả lời thông tin XNC của Phòng Q- Công an thành phố H cung cấp: Từ năm 2019, chị V đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần gần nhất là ngày 28/02/2025 và đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Như vậy, xác định nguyên đơn đang cư trú ở nước ngoài. Bị đơn đang cư trú tại Hải Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1

Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị V và anh Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị V phù hợp với lời khai của người làm chứng, thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách, lối sống. Từ năm 2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm đến nhau. Mặt khác, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của chị V. Cho thấy anh H không quan tâm đến tâm tư, tình cảm của chị V cũng như không mong muốn giải quyết mâu thuẫn để cải thiện quan hệ vợ chồng. Xét mâu thuẫn của chị V và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[4] Về con chung: Chị V xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/10/2016. Hiện con chung đang do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét chị V đang ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung và cháu K có nguyện vọng được ở với bố, nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị V, giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Tuấn K với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Anh H không có quan điểm. Căn cứ khoản 2 Điều 82, các điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị V.

[6] Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu giải quyết, anh H không có quan điểm, nên không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, các điều 273, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị V được ly hôn anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Tuấn K, sinh ngày 19/10/2016 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Tuấn K cho anh Phạm Văn H với số tiền 3.000.000 đồng/tháng (*ba triệu đồng một tháng*), kể từ tháng 7 năm 2025 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vi Thị V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001302 ngày 16/5/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (nay là Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). Chị V còn phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Vi Thị V có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND xã Vĩnh Thịnh, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Thuỷ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN T

Phạm Mạnh Hùng

Nguyễn Thị Mai Vinh

Nguyễn Thị Bích Thuỷ

